

Số: 112/2023/QĐST-HNGĐ

Trần Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa:

Anh Vũ Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Chị Trần Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Vũ Văn S và chị Trần Thị H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về nuôi con chung: Anh Vũ Văn S và chị Trần Thị H có hai con chung là Vũ Thị Thu H1, sinh ngày 06-10-2003 và Vũ Thị Huyền T, sinh ngày 16-10-2006. Cháu Vũ Thị Thu H1 đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Vũ Thị Huyền T, ly hôn, anh S và chị H thống nhất thoả thuận: chị H trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Thị Huyền T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Vũ Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Vũ Văn S nhận chịu toàn bộ số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2022/0001956 ngày 05-10-2023. Anh S được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện Trấn Yên;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- UBND xã Hưng Khánh, h. Trấn Yên;
- LHSVA, KT, tập QĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Phương